

CTCP Nam Việt (HOSE: ANV)

Lợi nhuận ròng bùng nổ mạnh mẽ năm 2025-26

- Q2/25, lợi nhuận (LN) ròng quý lập kỉ lục với 333 tỷ đồng với động lực tăng trưởng từ thị trường xuất khẩu cá thành phẩm (cá tra, cá rô phi), đặc biệt là thị trường Mỹ, Brazil và Mexico.
- Năm 2025 ước tính LN ròng có mức tăng trưởng hơn 17 lần svck với sự phục hồi mạnh mẽ của sản phẩm cá tra và động lực tăng trưởng mới cá rô phi tại thị trường xuất khẩu, tập trung tại Mỹ, Brazil và Mexico. Năm 2026 chúng tôi kỳ vọng ANV tiếp tục đạt mức tăng trưởng 15% svck từ nền cao của 2025 nhờ các động lực tăng trưởng vẫn được giữ vững.
- Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá mục tiêu 33,000 VND/cổ phiếu.

Q2/25, lợi nhuận ròng quý lập kỷ lục

Q2/2025, tổng doanh thu ghi nhận 1,726 tỷ đồng, tăng 45% svck với chủ lực tăng trưởng ở lĩnh vực cá tra tại thị trường Mỹ, do ANV tích cực đẩy mạnh xuất khẩu sang Mỹ trước khi thuế đối ứng có hiệu lực vào T8/2025. Bên cạnh đấy, kết hợp sự tăng trưởng mạnh mẽ ở thị trường Brazil, Mexico đã bù đắp cho sự giảm tốc tại thị trường Trung Quốc. Biên LN gộp ghi nhận 28%, tăng 16d% svck do giá bán trung bình cải thiện (đặc biệt tại thị trường xuất khẩu) và tận dụng nguồn cung cá nguyên liệu giá thấp từ giữa năm 2024. Tỷ trọng CPBH%QLDN/tổng doanh thu giảm 1.4d% svck nhờ việc tối ưu chi phí bán hàng. Tổng kết, lợi nhuận ròng đạt 333 tỷ đồng, tăng trưởng vượt bậc từ mức lỗ ròng 2 tỷ đồng trong Q2/24. Tổng kết 6T25, lợi nhuận ròng ghi nhận 465 tỷ đồng, tăng mạnh 30 lần svck. Kết quả này hoàn tất 51% kế hoạch cả năm của doanh nghiệp.

Năm 2025-26, lợi nhuận ròng tăng vượt bậc đánh dấu mức nền lợi nhuận mới cho doanh nghiệp

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần ANV sẽ tăng trưởng mạnh, đạt 6.471 tỷ đồng vào năm 2025 (+31,8% svck), chủ yếu nhờ tăng sản lượng xuất khẩu và cải thiện giá bán. Thị trường Mỹ và Brazil đóng vai trò quan trọng khi Việt Nam mở rộng thị phần và giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Doanh thu thành phẩm (>95% cá tra) dự kiến tăng 74,3% svck trong năm 2025, với đóng góp lớn từ Brazil. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện mạnh nhờ giá bán tốt hơn và chi phí đầu vào giảm. LN ròng 2025 ước đạt 882 tỷ đồng, gấp 17 lần so với năm 2024. Lợi nhuận ròng 2026 dự báo tăng 15% nhờ giá bán tiếp tục cải thiện và nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì.

Khuyến nghị **KHẢ QUAN** với mức giá mục tiêu 33,000 đồng/CP

Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 33,000 VND dựa vào mức P/E fw 2025 đạt 10x, tương đương giai đoạn tăng trưởng của ANV hồi 2022-2023. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ của ANV tại thị trường Mỹ tích cực trong giai đoạn sắp tới do nguồn cung từ Trung Quốc bị thu hẹp bởi mức thuế cao và thuế chống bán phá giá cá tra của ANV về mức 0%, ngoài ra việc mở rộng thị trường Brazil và mở rộng quy mô xuất khẩu cá rô phi sẽ tạo ra tiềm lực tăng trưởng trung – dài hạn cho ANV.

Chỉ tiêu tài chính	2023	2024	2025	2026
Doanh thu thuần	4,439	4,911	6,471	7,460
Lợi nhuận ròng	39	48	882	1,019
Tăng trưởng doanh thu thuần	-9.3%	10.6%	31.8%	15.3%
Tăng trưởng LN ròng	-94.2%	22.0%	1743.4%	15.5%
Biên LN gộp	10.1%	11.4%	23.6%	23.5%
Biên EBITDA	7.1%	5.8%	16.3%	17.1%
ROAE	1.4%	1.7%	27.2%	24.3%
ROAA	0.7%	1.0%	16.8%	16.4%
EPS (VND/cổ phiếu)	293	179	3,307	3,820
BVPS (VND/cổ phiếu)	21,326	10,488	13,794	17,618

KHẢ QUAN

VND33,000

Giá mục tiêu

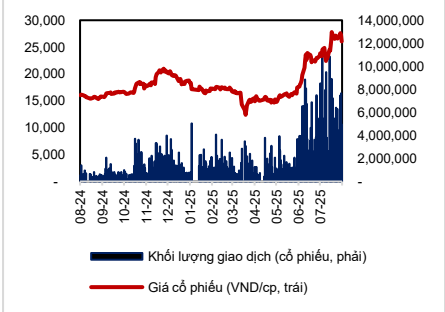
Tiềm năng tăng giá

36%

Thay đổi trọng yếu báo cáo:

- n/a

Thông tin cổ phiếu



Nguồn: FiinPro, MBS Research

Giá thị trường (VND)	24,250
Cao nhất 52 tuần (VND)	27,800
Thấp nhất 52 tuần (VND)	12,400
Vốn hóa (tỷ đồng)	6,936
P/E (TTM)	13.9
P/B	2.1
Thị suất cổ tức (%)	0.0
Tỷ lệ SH nước ngoài (%)	2.8

Nguồn: <https://s24.mbs.com.vn/>

Ownership structure

Doãn Tới	55.0
Doãn Chí Thanh	11.1

Nguồn: <https://s24.mbs.com.vn/>

Chuyên viên phân tích



Nguyễn Quỳnh Ly

Ly.NguyenQuynh@mbs.com.vn

Luận điểm đầu tư và khuyến nghị

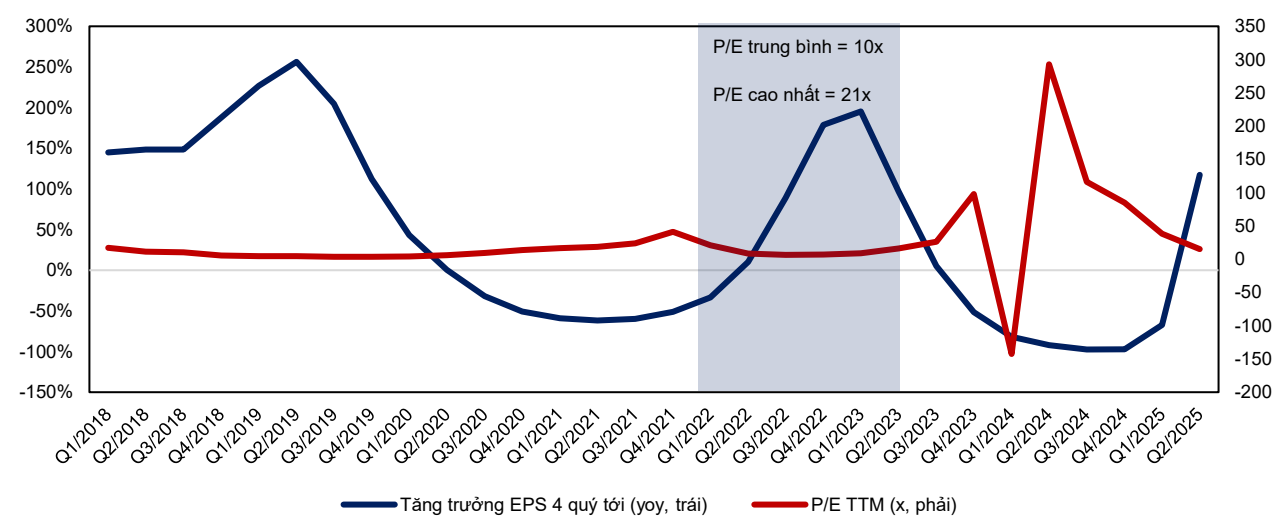
Luận điểm đầu tư.

- Với thị trường nước ngoài, trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gay gắt, nguồn cung cá thịt trắng (cá tra, cá rô phi) từ Trung Quốc (quốc gia có tỷ lệ xuất khẩu cá thịt trắng vào Mỹ lớn nhất) vào Mỹ chịu áp lực về giá bán thì Việt Nam (quốc gia có tỷ lệ nhập khẩu cá thịt trắng vào Mỹ lớn thứ 2) sẽ được hưởng lợi nhờ chất lượng và giá bán hợp lý. Ngày 18/6, Mỹ đã chính thức công bố mức thuế chống bán phá giá cá tra trong kỳ POR20 là 0% cho 7 doanh nghiệp và trong đó có ANV.
- Tiềm năng rộng lớn của ANV tại Brazil và Mexico (2 thị trường chiếm 30% doanh thu của ANV trong T6/25) khi (1) giá trị nhập khẩu cá tra được ước tính có tốc độ tăng trưởng kép đạt 5% trong năm 25-30 nhờ vào nhu cầu tiêu thụ tăng cao khi cung sản xuất trong nước không kịp đáp ứng, (2) ANV kí kết được hợp đồng mới với khách hàng **AV09 Comercio Exporter Ltda** tại Brazil – một trong nhà phân phối thực phẩm thủy sản lớn tại miền Nam Brazil. Với thị trường trong nước, giá trị tiêu thụ cá tra ước tính tăng trưởng kép đạt 5% trong năm 25-30. Tổng kết, tổng doanh thu thành phẩm (cá tra, cá rô phi) ước tính tăng trưởng kép 24% trong năm 25-30.
- Về mức thuế đối ứng mới nhất dành cho Việt Nam (20%), thì đối thủ trong phân khúc cá thịt trắng với Việt Nam là Trung Quốc (~50%), Indonesia (~19%), Brazil (~50%) hiện đều đang phải chịu mức thuế đối ứng cao hơn, do vậy Việt Nam có thể nhận cơ hội thời gian này, tăng tốc mở rộng thị trường và có được thị phần từ các quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc. Bên cạnh đấy, thủy sản là mặt hàng ít chịu thiệt hại nhất do đảm bảo nguồn gốc xuất xứ nội địa rõ ràng khi sở hữu quy trình giá trị khép kín từ nuôi trồng đến chế biến phục vụ cho xuất khẩu, do vậy tỷ lệ nội địa hóa ~95-100%. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần có thêm cụ thể về thuế suất cho thủy sản để đánh giá chi tiết được thuế đối ứng của Mỹ dành cho lĩnh vực này.

Khuyến nghị và đánh giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp P/E với P/E fw 2025 là 10x, tương đương giai đoạn Q1/22 – Q2/23 khi ngành cá tra Việt Nam được hưởng lợi từ việc giá xuất khẩu tăng và khan hiếm nguồn cung cá cỡ vừa – lớn. Chúng tôi nhận thấy bên cạnh mảng cá tra thì ANV còn nhiều tiềm năng trong lĩnh vực cá rô phi – một loại cá thịt trắng được dự báo có nhu cầu tiêu thụ ước tăng 13%/năm từ năm 2025-30, đặc biệt tại thị trường Mỹ. Theo thông tin, ANV sở hữu vùng nuôi cá rô phi song song với cá tra, tuy nhiên hiện tại, ANV chưa công bố diện tích nuôi, sản lượng và giá bán của cá rô phi/cá điêu hồng. Do vậy, chúng tôi kỳ vọng với lợi thế sẵn có khi nuôi cá tra, ANV sẽ tận dụng và đẩy mạnh các sản phẩm cá rô phi, cá điêu hồng nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu.

Hình 1: P/E của ANV



Rủi ro giảm giá:

- Giá cá nguyên vật liệu tăng cao đột biến khiến cho biên LN gộp bị ảnh hưởng
- Giá bã đậu nành thế giới trở lại xu hướng tăng, sẽ ảnh hưởng đến chi phí nuôi cá thành phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến biên LN gộp của doanh nghiệp.

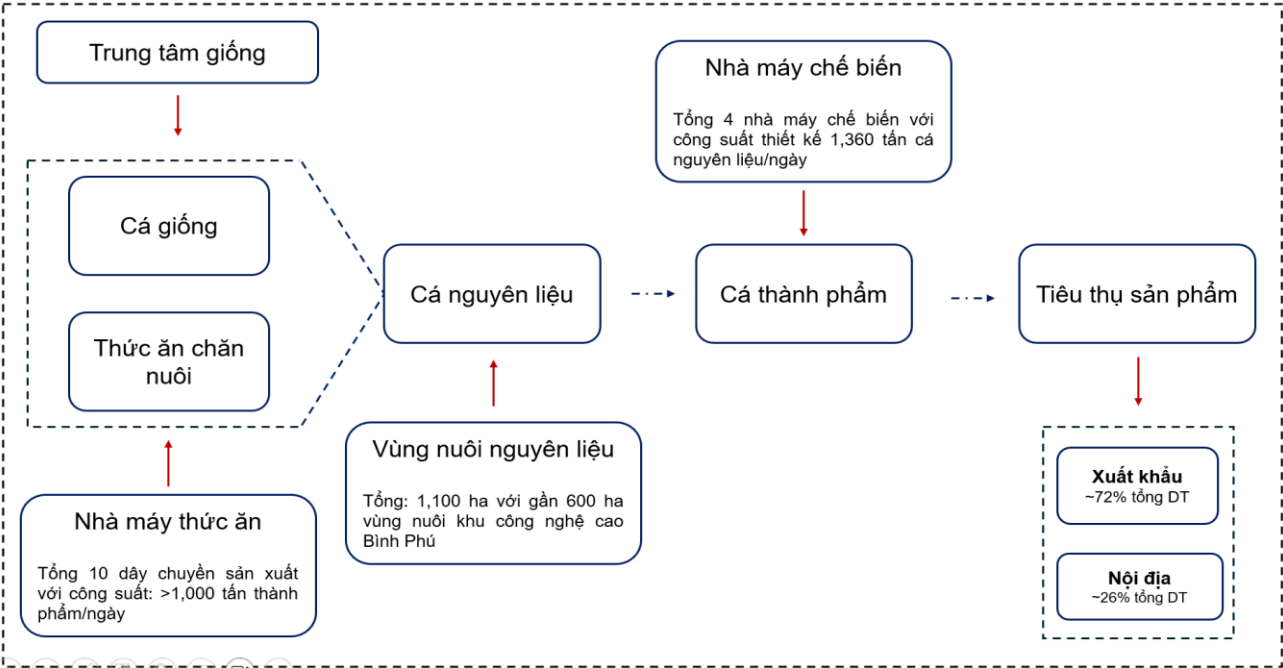
Hình 4: Bảng so sánh các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Mã Bloomberg	Vốn hóa (tỷ VND)	P/E (lần)		P/B (lần)		ROA%		ROE (%)		D/E (lần)	
			TTM	2025	TTM	2025	TTM	2025	TTM	2025	TTM	2025
CTCP Thủy sản Vĩnh Hoàn	VHC VN	12,502	8.9	n/a	1.4	n/a	11.4%	n/a	16.1%	n/a	0.3	n/a
CTCP Đầu tư và PT Đa Quốc Gia IDI	IDI VN	2,180	25.6	n/a	0.7	n/a	1.0%	n/a	2.6%	n/a	1.6	n/a
CTCP Thủy sản Nam Việt	ANV VN	6,670	13.9	7.7	2.1	1.8	10.1%	16.6	16.8%	27.2	0.6	0.4
Trung bình			16.1		1.4		8%		11.8%		0.8	

Nguồn: MBS Research

Tổng quan doanh nghiệp

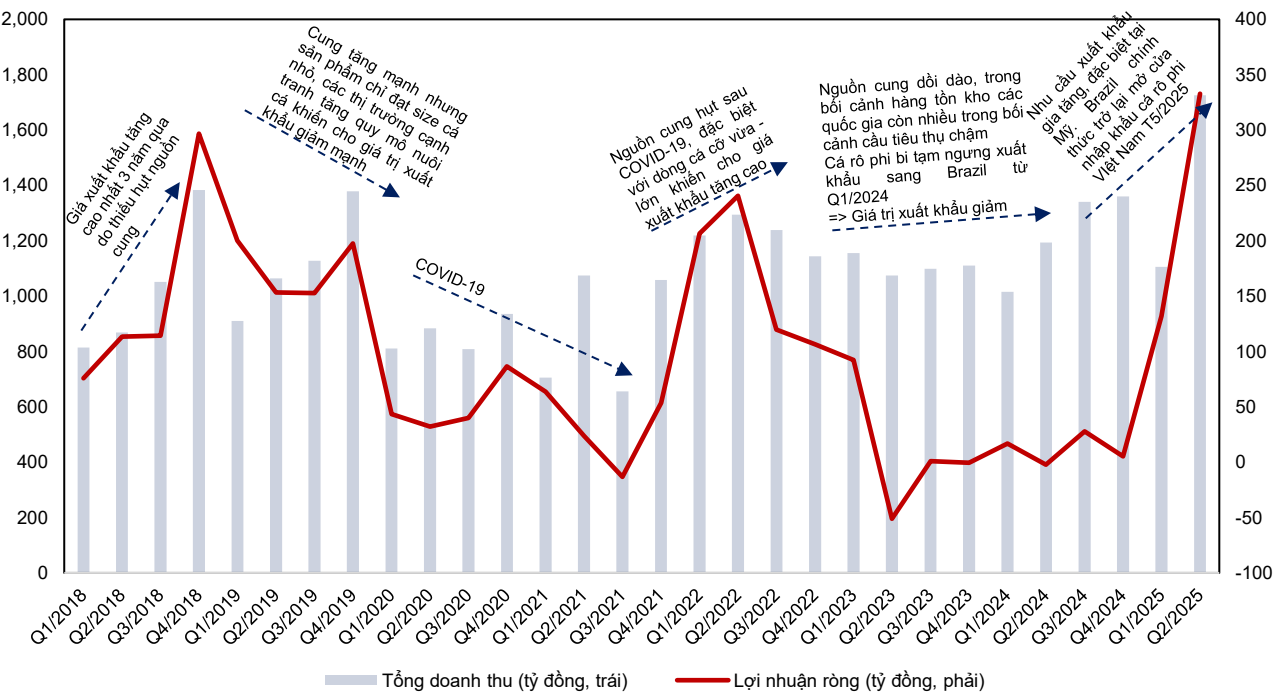
Trong thị trường cá tra Việt Nam, ANV (Navico) là doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu đứng thứ 2 với tỷ trọng xuất khẩu/tổng giá trị xuất khẩu cá tra đạt 6% trong năm 2024. ANV hiện đã tự chủ 100% thức ăn thủy sản, 100% cá nguyên liệu cho nhà máy chế biến, đảm bảo chất lượng đầu vào cho quy trình giá trị khép kín. Bên cạnh sản phẩm cá tra file đông lạnh quen thuộc, ANV vẫn đang đầu tư công nghệ, kĩ thuật để mở rộng danh mục sản phẩm GTGT nhằm đa dạng hóa sản phẩm phân phối sang các thị trường xuất khẩu, giúp mở rộng biên LN gộp.



Nguồn: ANV, MBS Research

Chỉ tiêu so sánh	ANV (Navico)	VHC (Vinh Hoàn)
Doanh thu xuất khẩu năm 2024 (triệu USD)	114.4	275.3
Thị trường xuất khẩu chính	Trung Quốc (~30%), Mỹ (~19%), EU (~20%), Mỹ Latin (~11%),...	Mỹ (~56%), Trung Quốc (~10%), EU (~11%), Canada (~5%),...
Vùng nuôi cá (ha)	1,100 ha	~800 ha
Tỷ lệ tự chủ cá nguyên liệu (%)	~80-90%*	~70%
Công suất chế biến (tấn cá nguyên liệu/ngày)	1,360	1,200

*Số liệu tự thống kê trên nguồn báo, chưa có xác thực từ doanh nghiệp



Nguồn: ANV, MBS Research

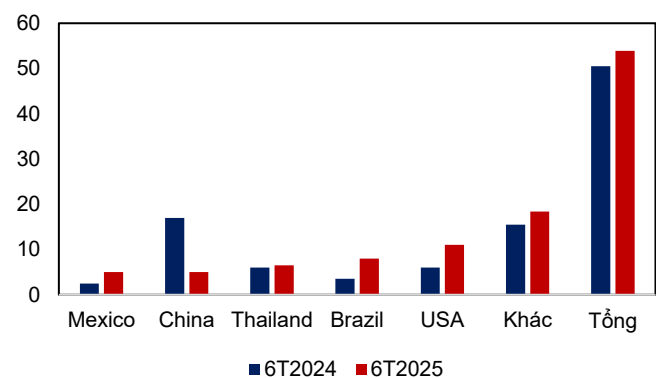
6T2025: Lợi nhuận ròng kỷ lục

Hình 5: Tóm tắt KQKD Q2/2025 và nửa đầu năm 2025 (Tỷ đồng)

Các tiêu chí KQKD	Q2/2025	svck	sv quý trước	Lũy kế 6T25	svck	Đánh giá
Doanh thu thuần	1,726	44.6%	56.0%	2,832	28.2%	
Doanh thu thành phẩm (>95% cá tra)	1,694	46.2%	58.2%	2,765	29.0%	Sự tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu (+80% svck) với sản lượng tăng mạnh tại Mỹ và Mỹ Latin với 2 lý do chủ yếu: (1) sản lượng tăng mạnh nhờ nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ khi Mỹ lo sợ về mức thuế đối ứng tăng cao tại Việt Nam, (2) Giá bán cải thiện đáng kể, giá cá tra xuất khẩu tăng 6% svck do cầu nhập khẩu ở các quốc gia tăng cao và sự thiếu hụt về cá nguyên liệu trên toàn thế giới
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	27	-11.0%	-10.8%	57	-0.8%	
Doanh thu khác	5	28.5%	5.6%	10	18.5%	
Lợi nhuận gộp	486	229.0%	117.4%	710	185.1%	
Biên lợi nhuận gộp	28.2%	15.8%	8.0%	25.1%	13.8%	Biên LN gộp cải thiện 16đ% svck nhờ vào (1) nguồn cung cá nguyên liệu giá rẻ còn đọng từ cuối năm 2024, (2) giá bán xuất khẩu tăng mạnh mẽ
Chi phí bán hàng	95	38.2%	88.0%	146	41.0%	
Chi phí quản trị DN	17	-33.5%	-3.7%	36	-19.8%	
% chi phí quản trị bán hàng/Doanh thu	6.5%	-1.4%	0.3%	6.4%	-0.3%	Doanh nghiệp đang thực hiện tối ưu chi phí, đặc biệt ở chi phí quản trị DN.
Doanh thu tài chính	14	33.6%	211.3%	19	18.6%	
Chi phí tài chính	19	-29.2%	11.0%	37	-29.3%	
LNTT	370	n/a	156.3%	514	1760.7%	
Thuế TNDN	37	n/a	201.3%	49	0.0%	
LN ròng	333	n/a	152.1%	465	3080.3%	Nhờ sự thuận lợi của thị trường xuất khẩu, ANV đạt mức lợi nhuận quý kỷ lục với 333 tỷ đồng. Sự tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mức giá bán cải thiện ở khu vực xuất khẩu và hàng tồn kho giá thấp, bên cạnh đẩy ANV luôn nỗ lực tối ưu chi phí bán hàng nhằm giảm bớt áp lực chi phí. Tổng kết 6T25, lợi nhuận ròng ghi nhận 465 tỷ đồng, tăng mạnh 30 lần svck. Kết quả này hoàn tất 51% kế hoạch cả năm của doanh nghiệp.

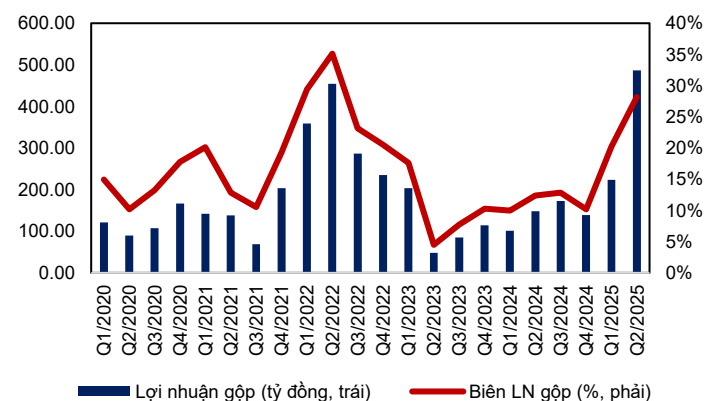
Nguồn: ANV, MBS Research

Hình 7: Doanh thu xuất khẩu cá tra theo quốc gia, lũy kế 6 tháng ANV (triệu USD)



Nguồn: ANV, MBS Research

Hình 8: Lợi nhuận gộp và biên LN gộp theo quý



Nguồn: ANV, MBS Research

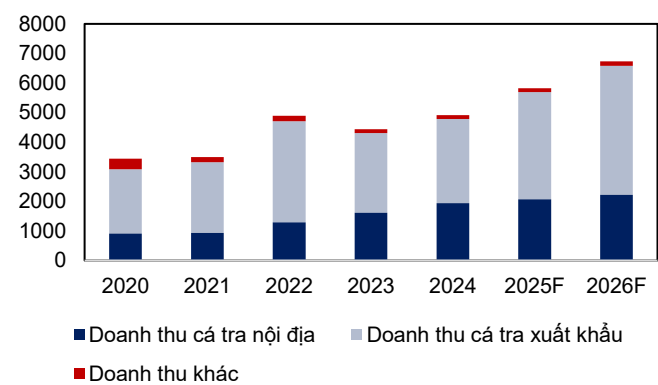
Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2025-26

Hình 6: Dự phóng 2025-26

Các tiêu chí KQKD	2024	yoy	2025F	yoy	2026F	yoy	Đánh giá
Doanh thu thuần	4,911	10.6%	6,471	31.8%	7,460	15.3%	Chúng tôi ước tính tổng doanh thu tăng trưởng 33%/16% svck với động lực chủ yếu từ sự tăng trưởng sản lượng ở cả thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước, cụ thể: - Với thị trường xuất khẩu, chúng tôi kỳ vọng thị trường Mỹ sẽ là chủ lực tiêu thụ trong năm 2025, cùng với sự tăng tốc tại các thị trường Nam Mỹ (Brazil, Mexico) sẽ bù đắp cho sự giảm tốc của tiêu thụ cá tra tại thị trường Trung Quốc. - Với thị trường Mỹ, chúng tôi kỳ vọng giá bán có thể cải thiện nhẹ 6% svck khi (1) nguồn cung từ Trung Quốc bị co hẹp do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung còn kéo dài, (2) 7T25, tồn kho cá da trơn tại Mỹ giảm 14% svck (Theo báo cáo của USDA). Việt Nam là quốc gia thứ 2 xuất khẩu cá tra sang Mỹ, sau Trung Quốc, do vậy Việt Nam sẽ có được lợi thế thị phần khi cung Trung Quốc tại Mỹ bị co hẹp bởi thuế quan. Chúng tôi kỳ vọng ANV – một trong những doanh nghiệp đầu ngành có thể hưởng lợi từ việc chuyển dịch sản lượng tiêu thụ cá trắng từ Trung Quốc và Brazil sang Mỹ. Từ đó, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh mẽ giúp doanh thu tăng vượt bậc. - Với thị trường Brazil, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu thứ 1 với gần 38% thị phần cá thịt trắng, vượt xa các quốc gia khác. Bên cạnh đấy, cuối năm 2024, Việt Nam và Brazil nâng cấp quan hệ Đối tác chiến lược, cam kết phấn đấu đưa kim ngạch thương mại song phương lên 10 tỷ USD năm 2025. Với thị trường thủy sản, Brazil xem xét nới lỏng các quy định nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam, mở đầu là việc cho phép nhập khẩu cá rô phi trở lại vào Brazil vào T5/25. Điều này sẽ tạo thêm cơ hội cho các sản phẩm GTGT cá tra vào thị trường Brazil. Bên cạnh đấy, ANV cũng đã kí kết được hợp đồng mới với một trong những nhà phân phối thủy sản lớn tại miền Nam Brazil, hỗ trợ cho sự tăng trưởng sản lượng của cá thành phẩm tại quốc gia này. Từ đó, kỳ vọng sản lượng cá tra, cá rô phi của ANV vào thị trường Brazil sẽ tiếp đà tăng trưởng 2 chữ số trong năm 2025-27. - Với thị trường nội địa, cá tra không phải thực phẩm thông dụng trong các bữa ăn hàng ngày và tỷ lệ tiêu thụ còn yếu. Do vậy chúng tôi duy trì mức tăng trưởng ổn định 7% trong năm 25-27 cho doanh thu nội địa của ANV.
Doanh thu thành phẩm (>95% cá tra)	4,780	10.9%	6,334	32.5%	7,315	15.5%	
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	109	2.7%	114	5.0%	120	5.0%	
Doanh thu khác	23	3.9%	24	5.0%	25	5.0%	
Lợi nhuận gộp	560	25.2%	1,527	172.6%	1,755	14.9%	
Biên lợi nhuận gộp	11.4%	1.3d%	23.6%	12.2d%	23.5%	-0.1d%	Biên LN gộp cải thiện đáng kể nhờ mức giá bán xuất khẩu cải thiện và chi phí thức ăn nguyên liệu đầu vào tiếp đà giảm giá.
Chi phí bán hàng	280	48.8%	349	24.7%	403	15.3%	
Chi phí quản trị DN	86	13.3%	110	28.2%	127	15.3%	
% chi phí quản trị bán hàng/Doanh thu	7.5%	1.5d%	7.1%	-0.4d%	7.1%	0.0d%	Doanh nghiệp tiếp tục thực hiện tối ưu chi phí hoạt động trong bối cảnh thị trường thuận lợi, nhờ đó tỷ trọng CP dự báo thấp hơn 0.4d% svck.
Doanh thu tài chính	33	1.6%	41	26.5%	43	3.3%	
Chi phí tài chính	103	-37.1%	67	-35.1%	65	-3.9%	
LNTT	79	21.7%	1,037	1221.2%	1,198	15.5%	
Thuế TNDN	31	21.2%	156	407.2%	180	15.5%	
LN ròng	48	22.0%	882	1743.4%	1,019	15.5%	

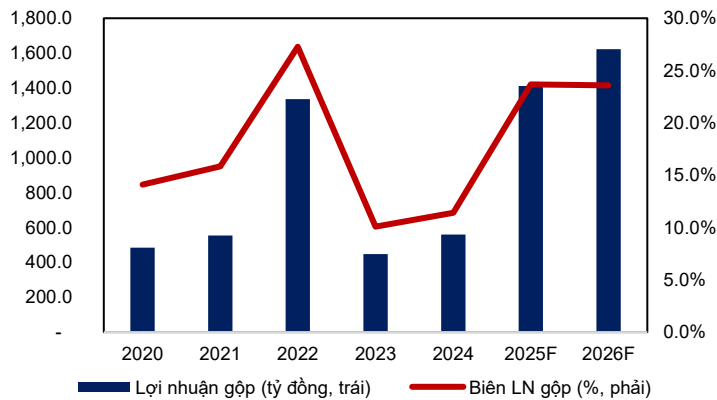
Nguồn: DGW, MBS Research

Hình 7: Doanh thu theo từng mảng kinh doanh của ANV (%)



Nguồn: ANV, MBS Research

Hình 8: Lợi nhuận gộp và biên LN gộp theo năm



Nguồn: ANV, MBS Research

Báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả HĐKD	31/12/22	31/12/23	31/12/24
Doanh thu thuần	4,897	4,439	4,911
Giá vốn hàng bán	(3,561)	(3,992)	(4,351)
Lợi nhuận gộp	1,336	447	560
Chi phí quản lý DN	(94)	(76)	(86)
Chi phí bán hàng	(378)	(188)	(280)
LN từ HĐKD	863	183	194
EBITDA thuần	984	298	311
LN trước thuế & lãi vay	863	183	194
Thu nhập lãi	80	32	33
Chi phí tài chính	(188)	(165)	(103)
Thu nhập ròng khác	19	18	(41)
TN từ các Cty LK & LD	(0)	(4)	(4)
LN trước thuế	774	64	79
Thuế TNDN	(100)	(25)	(31)
Lợi nhuận sau thuế	674	39	48
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-
Lợi nhuận ròng	674	39	48
Bảng cân đối kế toán	31/12/22	31/12/23	31/12/24
Tiền và tương đương tiền	31	40	219
Đầu tư ngắn hạn	358	72	56
Phải thu khách hàng	413	359	518
Hàng tồn kho	2,333	2,347	1,653
Tổng tài sản ngắn hạn	3,255	2,951	2,586
Tài sản cố định	496	325	312
Xây dựng cơ bản dở dang	896	918	974
BDS đầu tư	-	-	-
Đầu tư vào công ty con	-	-	-
Đầu tư vào công ty LD,LK	69	65	61
Các khoản đầu tư dài hạn khác	145	147	168
Tổng tài sản dài hạn	2,213	2,162	2,277
Tổng tài sản	5,468	5,113	4,862
Vay & nợ ngắn hạn	1,769	1,784	1,624
Phải trả người bán	277	173	150
Phải trả ngắn hạn khác	265	93	66
Tổng nợ ngắn hạn	2,418	2,103	1,941
Vay & nợ dài hạn	153	145	111
Các khoản phải trả khác	15	17	14
Tổng Nợ dài hạn	168	162	125
Tổng nợ	2,585	2,265	2,066
Vốn điều lệ	1,275	1,335	2,667
Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21
Cổ phiếu quỹ	(28)	(28)	(28)
LN giữ lại	1,613	1,519	136
Các quỹ thuộc VCSH	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,797
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,797
Tổng nợ và VCSH	5,468	5,113	4,862

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	31/12/22	31/12/23	31/12/24
LN trước thuế	774	64	79
Khấu hao	121	115	117
Thuế đã nộp	(100)	(25)	(31)
Các khoản điều chỉnh khác	15	(23)	13
Thay đổi VLB	(545)	(212)	550
LCTT từ HĐKD	266	(82)	728
Đầu tư TSCĐ	(275)	(44)	(161)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	54	150	29
LCTT từ đầu tư	57	416	(111)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	-	60	-
Tiền vay ròng nhận được	(119)	(40)	(199)
Dòng tiền từ HĐTC khác	(58)	(127)	(131)
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(157)	(219)	(108)
LCTT từ hoạt động TC	(334)	(326)	(438)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	43	31	40
LC tiền thuần trong năm	(12)	9	179
Tiền & tương đương tiền cuối I	31	40	219
Các chỉ số cơ bản	31/12/22	31/12/23	31/12/24
Tăng trưởng doanh thu thuần	40.1%	-9.3%	10.6%
Tăng trưởng EBITDA	190.6%	-69.7%	4.6%
Tăng trưởng LN từ HĐKD	299.8%	-78.8%	6.0%
Tăng trưởng LN trước thuế	410.9%	-91.7%	21.7%
Tăng trưởng LN ròng	423.3%	-94.2%	22.0%
Tăng trưởng EPS	423.3%	-94.2%	35.8%
Biên LN gộp	27.3%	10.1%	11.4%
Biên EBITDA	20.4%	7.1%	5.8%
Biên LN ròng	13.8%	0.9%	1.0%
ROAE	25.8%	1.4%	1.7%
ROAA	13.0%	0.7%	1.0%
ROIC	14.0%	0.8%	1.1%
Vòng quay tài sản	0.9	0.8	1.0
Cổ tức chi trả/LN ròng	23.3%	557.7%	226.1%
Tổng nợ vay/VCSH	66.7%	67.7%	62.0%
Nợ vay ròng/VCSH	65.6%	66.3%	54.2%
Nợ vay ròng/Tổng tài sản	34.6%	36.9%	31.2%
Khả năng thanh toán lãi vay	8.2	1.3	2.1
Số ngày phải thu	30.8	29.5	38.5
Số ngày nắm giữ hàng tồn kho	239.2	214.6	138.7
Số ngày phải trả tiền bán	28.4	15.9	12.6
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.3	1.4	1.3
Khả năng thanh toán nhanh	0.4	0.3	0.5
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.2	0.1	0.1
Định giá			
EPS	5,283	293	179
BVPS	22,598	21,326	10,488
P/E	2.1	52.1	109.3
P/B	0.5	0.7	1.9

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG LẬP Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KÉM KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Phạm Thị Thanh Huyền

Công nghiệp – Năng lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly